

Đặc điểm hoạt động cho vay của các định chế tín dụng chính thức trong nông thôn hiện nay

>>TS. NGUYỄN THỊ BÍCH ĐÀO

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia HN

Các định chế tín dụng chính thức chủ yếu hoạt động trong khu vực nông thôn hiện nay, được trực tiếp cung cấp vốn tín dụng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn, đó là Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (NHNN & PTNT), Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND). Tuy nhiên, mỗi tổ chức có hình thức hoạt động và cơ chế cho vay riêng. Có thể tóm tắt những nét đặc trưng trong hoạt động cho vay của các tổ chức đó như sau:

* Đối với NHNN & PTNT

NHNN&PTNT là một tổ chức tài chính tín dụng chuyên nghiệp được thành lập sớm nhất, đầu tiên trong nông thôn với những thế mạnh: Có mạng lưới rộng khắp các tỉnh, huyện, cụm, làng, xã. Tính đến cuối năm 2003, NHNN&PTNT đã có trên 1.800 chi nhánh trên toàn quốc, trong đó có 100 chi nhánh cấp 1 (cấp tỉnh), 800 chi nhánh cấp 2 (cấp quận, huyện), hàng nghìn chi nhánh cấp 3 (cấp xã), cấp 4 và tổ lưu động. Cán bộ được đào tạo có



Dự án nuôi tôm sú ở Nam Định rất cần được vay vốn tín dụng.

Ảnh: CTV

trình độ chuyên nghiệp ngân hàng. Cơ sở vật chất kĩ thuật, máy móc thiết bị hiện đại. Có vốn lớn, có khả năng đáp ứng nhu cầu vay lớn và thời gian dài. Tuy nhiên, trong hoạt động cho vay, đặc biệt cho vay đối với hộ sản xuất nông thôn là đối tượng vay chủ yếu của ngân hàng, nhưng vẫn còn có những hạn chế nhất định:

- Thủ tục cho vay còn khá phức tạp nên nhiều hộ nông dân khó tiếp cận trực tiếp, đặc biệt đối với hộ nông dân miền núi, trình độ dân trí thấp.

- Cán bộ tín dụng nhiều nơi

chưa tận tâm với bà con nông dân, chưa hiểu hết nông nghiệp, nông thôn. Vì thế, còn gây nhiều phiền hà, tắc trách trong thẩm định, giải ngân. Để vay và nhận được vốn vay, người vay phải trả những khoản chi phí ngầm ngoài lãi suất quy định, do phải đi lại nhiều lần, thậm chí phải bồi dưỡng cho cán bộ tín dụng.

- Mức vốn cho vay tối đa/hộ gia đình trang trại không phải thế chấp theo Quyết định 103/2000 của Thủ tướng Chính phủ là 20 triệu đồng, đến nay không còn phù

hợp. Thực tế cho thấy, với mặt bằng giá hiện nay, muốn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh với qui mô lớn, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng chuồng trại..., thì với 20 triệu đồng vốn vay là không thể làm được.

- Thời hạn cho vay còn ngắn, chưa thực sự phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của nhiều hộ nông dân.. Mặc dù tỷ trọng cho vay trung và dài hạn của NHNN&PTNT trong những năm gần đây đã tăng dần và chiếm tỷ trọng tới gần 50%, nhưng phần lớn cho hộ sản xuất vay thời hạn là 2 năm. Hết hạn, hộ chưa trả được nợ muốn vay tiếp lại phải làm thủ tục vay kỳ hạn mới. Điều này gây nhiều phức tạp cho hộ vay và tốn kém chi phí cho việc làm thủ tục vay.

Phương thức cho vay chủ yếu là cho vay từng lần. Với phương thức này, mỗi lần vay vốn, người vay phải lập hồ sơ cho từng lần, ngân hàng phải thực hiện đầy đủ quy trình thẩm định xét duyệt theo đúng quy định. Trong năm, người vay vốn bao nhiêu lần thì ngân hàng phải thực hiện đầy đủ bấy nhiêu lần theo thủ tục quy định. Vì thế, phương thức này chỉ phù hợp với những hộ nông dân mới thiết lập quan hệ tín dụng, hoặc quan hệ không thường xuyên. Đối với những hộ có nhu cầu vốn tín dụng thường xuyên và vay cho mục đích sản xuất nông nghiệp mang tính chất mùa vụ, thì phương thức này gây bất lợi cho cả phía hộ vay và ngân hàng.

*** Đối với QTDND**

Hiện nay QTDND được tổ chức thành hệ thống gồm quỹ tín dụng trung ương và quỹ tín dụng cơ sở, có sự liên kết chặt chẽ trong hoạt động. Đặc biệt, QTDND cơ sở được tổ chức tại xã, thôn, và là tổ chức tín dụng tập thể của nhân dân. Cán bộ quỹ do thành viên bầu, sống tại

Diễn giải	NHNN&PTNT	QTDND	NHCSXH
Đối tượng cho vay	DN quốc doanh và ngoài quốc doanh; HTX (0,2% dư nợ); Hộ gia đình (trên 60% dư nợ).	Thành viên của quỹ	Thuộc chính sách: Hộ nghèo (trên 60% dư nợ), HS, SV, giải quyết việc làm*
Phương pháp cho vay	Trực tiếp: DN, hộ (chủ yếu, gần 90% dư nợ), từng lần; Theo tổ, nhóm: Hộ nghèo (hơn 10%).	Trực tiếp: Chủ yếu Theo tổ, nhóm: Gần đây hộ nghèo (rất ít).	Ủy thác từng phần theo kiểu đại lý cho 4 tổ chức đoàn thể: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên.
Thời hạn vay	Trước 1997: Ngắn hạn là chính (70-80%); Sau 1997: Trung và dài hạn tăng dần, đến nay chiếm gần một nửa.	Trước 2001: Chỉ ngắn hạn Sau 2001: Có trung và dài hạn nhưng rất ít, chỉ khoảng 4%.	Chủ yếu trung và dài hạn, chiếm 80-90%.
Mức vốn vay/lần	Lớn: Hàng chục triệu đồng, hàng trăm triệu đồng.	Nhỏ: Vài triệu, chục triệu; tối đa không quá 15% vốn tự có..	Nhỏ: 4-5 triệu, tối đa 7 triệu đồng.
Lãi suất vay	Theo cơ chế thị trường và điều tiết của ngân hàng nhà nước (1,2%/tháng).	Chênh lệch về lãi suất NHNN&PTNT khoảng 0,05%/tháng.	Ưu đãi: Bằng 40-50% lãi suất ngân hàng (0,5%/tháng).
Đảm bảo tiền vay	Tài sản thế chấp; Tín chấp: hộ vay dưới 20 triệu.	Tín chấp: Chủ yếu Thế chấp: Khoản vay lớn theo quy định của quỹ.	Tín chấp, xác nhận thuộc đối tượng chính sách.

thôn xã, hiểu từng hộ dân, hộ vay là những thành viên của quỹ, nên quá trình thẩm định nhanh, chỉ 2-3 ngày. Thủ tục vay đơn giản, dân dễ tiếp cận, thuận tiện trong thu hồi vốn và lãi. Đa phần các hộ nông dân trả nợ sòng phẳng, nên tỷ lệ nợ quá hạn bình quân của các QTDND cơ sở những năm gần đây chỉ dưới 1%, thấp hơn nhiều so với nợ quá hạn của các ngân hàng. Các QTDND cơ sở đã hoạt động an toàn và có lợi nhuận, phát huy được thế mạnh là tổ chức tín dụng "tại nhà" của hộ nông dân.

Mặc dù vậy, hoạt động của các QTDND cơ sở còn có các hạn chế sau:

- Nguồn vốn hoạt động của các QTDND còn ít, mỗi quỹ chỉ vài tỷ đồng, cá biệt có quỹ chỉ khoảng 1 tỷ đồng. Trong khi đó, số lượng thành viên mỗi quỹ tới hàng nghìn, nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế ngày càng đòi hỏi lượng vốn lớn. Do đó, nhiều quỹ không đáp ứng được nhu cầu món vay lớn của các thành viên.

- Thời hạn cho vay phần lớn là ngắn hạn, dưới 1 năm, từ năm 2001 trở lại đây đã cho vay trung và dài hạn, nhưng còn rất ít. Dư nợ cho vay trung và dài hạn năm 2005 bình quân là 4% tổng dư nợ, gần đây, tỷ trọng này đã được tăng lên, nhưng cũng chỉ dưới 10%. Điều này chưa đáp ứng nhu cầu vốn đầu

tư dài hạn của hộ sản xuất nông nghiệp nông thôn.

- Đội ngũ cán bộ của nhiều QTDND cơ sở chưa có trình độ chuyên nghiệp cao, chưa được đào tạo chính quy, cá biệt chưa qua đào tạo, nhiều cán bộ kiêm nhiệm. Do đó, hoạt động nghiệp vụ còn có những bất cập, khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động hiệu quả của quỹ.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật nhiều quỹ còn nghèo nàn. Trụ sở, phương tiện làm việc còn đơn giản, thiếu thốn. Điều này làm giảm sự hấp dẫn và độ tin cậy của quỹ trong việc huy động vốn, đặc biệt là đối với khách hàng gửi tiết kiệm. Đối với những xã có cả chi nhánh của NHNN&PTNT trên cùng địa bàn, thì điều này càng bất lợi cho quỹ trong cạnh tranh huy động vốn tiết kiệm.

- Bên cạnh những quỹ hoạt động an toàn và có hiệu quả, vẫn còn những quỹ chưa tạo dựng được uy tín đối với cư dân nông thôn, trình độ quản lý yếu kém, cho vay sai nguyên tắc, sai qui định, dư nợ quá hạn cao, dẫn đến hoạt động kém hiệu quả và có nguy cơ thiếu an toàn.

* Đối với NHCSXH

NHCSXH là một định chế tài chính cho vay chính sách, với phương châm hoạt động không vì mục đích lợi nhuận mà vì mục đích xã hội, nhằm góp phần thực hiện chiến lược xoá đói giảm nghèo của quốc gia. Hoạt động của NHCSXH có sự chỉ đạo và hỗ trợ của Nhà nước, nhận được sự ủng hộ của nhiều chương trình phát triển của Chính phủ và các tổ chức quốc tế, được sự đồng tình của nhân dân, của chính quyền các cấp và các tổ chức xã hội. Những năm qua, nguồn vốn tăng nhanh và dư nợ tăng nhanh, góp phần thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, nghiên cứu thực tế

cho thấy, trong hoạt động cho vay của NHCSXH còn có những bất cập chủ yếu sau đây:

- NHCSXH mới thành lập, tiếp quản từ Ngân hàng Người nghèo, nên công tác tổ chức chưa ổn định, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu. Đội ngũ cán bộ chưa được đào tạo chuyên nghiệp, thiếu kinh nghiệm, mặc dù đã có sự lựa chọn.

- Nguồn vốn hoạt động còn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Thương mại Nhà nước và từ các chương trình. Vốn huy động từ tiền gửi tiết kiệm của các khách hàng còn rất ít, năm 2005, nguồn vốn này chỉ chiếm 25%, nên khó tự chủ tài chính.

- Lượng vốn cho vay tăng khá nhanh, năm 2005 dư nợ tăng 36%. Tuy nhiên, số vốn còn quá ít so với nhu cầu thực hiện chính sách. Nếu chỉ tính riêng hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo mới, tỷ lệ hộ nghèo nông thôn năm 2006 là trên 21%, thì chúng ta còn gần 3 triệu hộ nghèo nông thôn. Với tổng nguồn vốn của NHCSXH như hiện nay, trên 16 nghìn tỷ đồng, là quá ít ỏi, chưa kể đến các đối tượng chính sách khác.

- Nhiều địa phương, hoạt động của tổ chức chính quyền và các tổ chức đoàn thể còn có những bất cập, dẫn đến những tiêu cực trong bình xét hộ nghèo. Vốn cho hộ nghèo vay còn mang tính chất bình quân, nên có hộ sử dụng vốn không đúng mục đích, có hộ có nhu cầu thực sự thì không được đáp ứng đầy đủ.

- Lãi suất vay ưu đãi chênh lệch quá lớn so với lãi suất ngân hàng và lãi suất thị trường phi chính thức. Lãi suất cho hộ nghèo vay chỉ bằng gần một nửa lãi suất cho vay ngân hàng thương mại, và chỉ bằng khoảng 20% lãi suất chợ đen. Điều

này dễ làm nảy sinh tiêu cực trong hoạt động cho vay của NHCSXH. Hơn nữa, điều quan tâm hàng đầu của người nghèo không phải là lãi suất thấp. Họ cần cách làm ăn, quản lý, kỹ thuật, thị trường tiêu thụ sản phẩm và lượng vốn đủ lớn, đủ dài và sự tiện lợi cho việc vay mượn.

Như vậy, các định chế tín dụng chính thức hoạt động cho vay, phục vụ nông nghiệp, nông dân tại thị trường nông thôn đó là NHNN&PTNT và NHCSXH, QTDND tuy có những đặc điểm khác nhau, lãi suất khác nhau, cách thức quản lý, theo dõi các món nợ khác nhau, nhưng đều có chung một mục đích là tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận được với nguồn vốn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nâng cao mức sống cho nông dân và một phần thực hiện chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước: Xoá đói, giảm nghèo cho nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người trong khu vực nông thôn. ❖

Danh mục tài liệu tham khảo

- 1) Mishkin, F., Tiền tệ ngân hàng và Thị trường tài chính, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 1999
- 2) Trần Hoàng Ngân, Tiền tệ ngân hàng và thanh toán quốc tế, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 2000.
- 3) Đào Văn Hùng, Phát triển hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động-Xã hội, Hà Nội 2005
- 4) Ngô Thị Hoài Lam, Vũ Cương, Nguyễn Phương Mai, Tài chính phát triển, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 2002
- McKinnon, Ronald I. 1973. *Money and Capital in Economic Development*.
- Shaw, Edward S. 1973. *Financial Deepening in Economic Development*.